



THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 5

Thời gian ăn từ ngày 04/5/2025 đến ngày 24/5/2025

Số lượng người ăn: 701 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn			
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ 3 4/5/2025	Dầu thực vật	Lít	12	55.000	660.000													Gia vị ăn cả tháng	
	Orchid																		
	Dầu rửa sunlight can	can	26	100.000	2.600.000														
	Cọ xoong	Bịch	2	50.000	100.000														
	Muối 1 lít hạt to	Kg	75	6.000	450.000														
CN 4/5/2025	Mỹ chính vedan	Kg	10	60.000	600.000													4.410.000	
	Tổng tiền																		
													Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát			
													trứng vịt trắng, Canh rau bắp cải, Com tẻ			3.700	3.145.000		
													Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		
Thứ hai 5/5/2025	Tổng tiền					0							Rau bắp cải	Kg	25	15.000	375.000		3.570.000
													Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			
													Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000		
													Quả đu	Kg	55	25.000	1.375.000		
Thứ hai 5/5/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	701	8.000	5.608.000								Bi đỏ	Kg	50	18.000	900.000		
													Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		
Tổng tiền																		37.908.000	
													Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			
													Thịt gà ta lai	Kg	194,0	105.000	20.370.000		
													Canh bí đỏ, Com tẻ						

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn				
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
Thứ ba 6/5/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp		5.608.000	Com té	Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	50.000	150.000	
						Cà chua	kg	12	20.000	240.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
						Hành lá	Kg	1	50.000	50.000							
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000							
Tổng tiền				5.608.000						12.815.000						21.420.000	39.843.000
Thứ tư 7/5/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	701	8.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát					Kg	162	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Bí xanh	kg	55	22.000	1.210.000	
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Thịt vai, móng lợn	kg	75	140.000	10.500.000	
										0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền				5.608.000						19.475.000						12.660.000	37.743.000
Thứ năm 8/5/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	701	8.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát					Kg	162	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	194,0	105.000	20.370.000	
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Gừng	Kg	3	50.000	150.000	
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền				5.608.000						19.475.000						21.420.000	46.503.000
Thứ sáu 9/5/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	701	8.000	Thịt lợn xay rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát					Kg	162	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	55	18.000	990.000	
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Thịt vai, móng lợn	kg	75	140.000	10.500.000	
										0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền				5.608.000						19.475.000						12.440.000	37.523.000
Thứ 7 10/5/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	701	8.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát					Kg			
						Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
						Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn					
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
CN 11/5/2025						Cà chua	kg	12,0	20.000	240.000								
						Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000								
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000								
	Tổng tiền									12.815.000						0	18.423.000	
													Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát		
Thứ hai 12/5/2025											trứng vịt trắng, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Trứng vịt nhỡ	Quả	850	3.700	3.145.000		
												Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		
												Rau bắp cải	Kg	25	15.000	375.000		
	Tổng tiền									0						3.570.000	3.570.000	
							Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
Thứ hai 12/5/2025						Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Thịt lợn xào quả ớt, Canh bi đỏ, Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000	
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000			Quả ớt	Kg	55	25.000	1.375.000	
						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000			Bi đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
										0			Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
	Tổng tiền									19.475.000						12.875.000	37.908.000	
Thứ ba 13/5/2025						Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng, Canh bi đỏ, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			
						Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000			Thịt gà ta lai sống	Kg	194,0	105.000	20.370.000	
						Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000			Gừng	Kg	3	50.000	150.000	
						Cà chua	kg	12	20.000	240.000			Bi đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
						Hành lá	Kg	1	50.000	50.000								
Thứ tư 14/5/2025						Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000								
	Tổng tiền									12.815.000						21.420.000	39.843.000	
						Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả ớt, Canh bi đỏ, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			
						Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		
		Bánh mỳ nhân đỗ	gói	701	8000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Bi xanh	kg	55	22.000	1.210.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Thịt vai, móng lợn	kg	75	140.000	10.500.000	
											0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền					5.608.000						19.475.000						12.660.000	37.743.000
Thứ năm 15/5/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	194,0	105.000	20.370.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Gừng	Kg	3	50.000	150.000	
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền					5.608.000						19.475.000					21.420.000	46.503.000	
Thứ sáu 16/5/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	55	18.000	990.000	
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Thịt vai, móng lợn	kg	75	140.000	10.500.000	
										0	Bí đỏ		Kg	50	18.000	900.000		
Tổng tiền					5.608.000						19.475.000					12.440.000	37.523.000	
Thứ 7 ngày 17/5/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	701	8000	5.608.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							
							Cà chua	kg	12,0	20.000	240.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000							
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000							
Tổng tiền					5.608.000						12.815.000					0	18.423.000	
CN 18/5/2025												trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát		
													Trứng vịt nở	Quả	850	3.700	3.145.000	
													Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
													Rau bắp cải	Kg	25	15.000	375.000	
Tổng tiền					0						0						3.570.000	3.570.000

Thứ, ngày	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn								
				Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền				
Thứ hai 19/5/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
							Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000	Thịt lợn xào				Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	quả đỗ Canh				Quả đỗ	Kg	55	25.000	1.375.000
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000	té				Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
										0		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000				
Tổng tiền												19.475.000				12.825.000	37.908.000			
Thứ ba 20/5/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
							Thịt vai, móng lợn	Kg	75	140.000	10.500.000	Thịt gà ta lại				Thịt gà ta lại	Kg	194,0	105.000	20.370.000
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000	Canh bí đỏ, Com té				Gừng	Kg	3	50.000	150.000
							Cà chua	kg	12	20.000	240.000	Bí đỏ				Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
							Hành lá	Kg	1	50.000	50.000									
Tổng tiền												12.815.000				21.420.000	39.843.000			
Thứ tư ngày 21/5/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	701	8000	5.608.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
							Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000	Hành lá				Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	quả bí xanh, Canh bí đỏ, Com té				Bí xanh	kg	55	22.000	1.210.000
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000	Com té				Thịt vai, móng lợn	kg	75	140.000	10.500.000
										0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000				
Tổng tiền												19.475.000				12.660.000	37.743.000			
Thứ năm 22/5/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com té	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
							Thịt vai, móng lợn	Kg	135	140.000	18.900.000	Thịt gà ta lại				Thịt gà ta lại	Kg	194,0	105.000	20.370.000
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	Canh bí đỏ, Com té				Gừng	Kg	3	50.000	150.000
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000	Bí đỏ				Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
Tổng tiền												19.475.000				21.420.000	46.503.000			

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn	
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền		
Thứ sáu 23/5/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	701	8.000	5.608.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát			
							Thịt vai, mỡ lợn	Kg	135	140.000	18.900.000		Hành lá	Kg	1,04	50.000	52.000		
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	55	18.000	990.000		
							Rau bắp cải	Kg	35	15.000	525.000		Thịt vai, mỡ lợn	kg	75	140.000	10.500.000		
											0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000		
Tổng tiền					5.608.000						19.475.000						12.442.000	37.525.000	
Thứ 7 ngày 24/5/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	701	8000	5.608.000														
Tổng tiền					5.608.000					0						0	5.608.000		
Tổng cộng tháng 5																		656.136.000	

Người lập



Nguyễn Thị Hường

Thủ trưởng đơn vị



Dương Tiến Công